MẪU THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ – SONG NGỮ VIỆT-ANH

THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ
CÔNG TY ……..
COLLECTIVE LABOR AGREEMENT
OF …… COMPANY

Mục lục
Contents

CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG 4
CHAPTER I: GENERAL TERMS 4
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh 6
Article 1: Scope of application. 6
Điều 2: Đối tượng thi hành 7
Article 2: Subjects of application. 7
Điều 3: Lấy ý kiến và ký kết Thỏa ước 7
Article 3: Voting and signing the Agreement. 7
Điều 4: Thực hiện Thỏa ước 8
Article 4: Implementing the Agreement. 8
CHƯƠNG II: NỘI DUNG THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG 9
CHAPTER II: CONTENTS OF THE LABOR AGREEMENT 9
Điều 5: Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động 9
Article 5: Signing and implementing the labor contract. 9
Điều 6: Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm 10
Article 6: Severance and lay-off allowance. 10
Điều 7: Chấm dứt hợp đồng lao động 10
Article 7: Termination of labor contract. 10
Điều 8: Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi 11
Article 8: Working hours and rests. 11
Điều 9: Tiền lương. 12
Article 9: Salaries. 12
Điều 10: Tiền thưởng. 14
Article 10: Bonuses. 14
Điều 11: Chế độ bảo hiểm. 15
Article 11: Insurance regimes. 15
Điều 12: An toàn, vệ sinh lao động. 17
Article 12: Labor safety and hygiene. 17
Điều 13: Phúc lợi tập thể và các khoản trợ cấp 18
Article 13: Social welfare benefits and allowances. 18
Điều 14: Học tập, hội họp, các hoạt động khác. 25
Article 14: Training, meetings, and other activities. 25
Điều 15: Tranh chấp lao động. 26

MẪU THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ – SONG NGỮ VIỆT-ANH

Article 15: Labor disputes. 26
CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 26
CHAPTER III: TERMS OF ENFORCEMENT 26
Điều 16: Hiệu lực và thời hạn của Thỏa ước 26
Article 16: Effectiveness of the Agreement. 26
Điều 17: Sửa đổi, bổ sung Thỏa ước 26
Article 17: Responsibilities to implement the Agreement. 26
Điều 18: Thỏa ước lao động tập thể hết hạn. 27
Article 18: Expiration of the Agreement. 27

MẪU THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ – SONG NGỮ VIỆT-ANH

CÔNG TY ……
…….. *COMPANY*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

---------- -----oOo-----

THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ
COLLECTIVE LABOR AGREEMENT

- Căn cứ Bộ Luật lao động của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 45/2019-QH14 ban hành ngày 20/11/2019 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;
- *In accordance with the Labor Code No. 45/2019/QH14, effective from January 1, 2021, of the Socialist Republic of Vietnam;*
- Căn cứ Luật Công đoàn Việt Nam số 12/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2013;
- *In accordance with the Law on Trade Union No. 12/2012/QH13, effective from January 1, 2013;*
- Căn cứ những quy định khác của pháp luật lao động;
- *In accordance with other provisions of the labor law;*
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty .....;
- *In accordance with the Organisational Charter of ……. Company;*
- Căn cứ sự thoả thuận giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động sau khi lấy ý kiến của tập thể người lao động trong Công ty;
- *In accordance with the agreement between the Employer and the Employees after consulting the Employees' opinions;*

Để bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên trong quan hệ lao động, chúng tôi gồm có:
In order to ensure the rights and responsibilities of each party in the labor relation, we, including:

A/. ĐẠI DIỆN BÊN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (gọi tắt là Công ty)
A/. REPRESENTATIVE OF THE EMPLOYER (hereinafter referred to as 'the Company')

MẪU THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ – SONG NGỮ VIỆT-ANH

Do: Ông/Bà ..... – Người đại diện pháp luật của Công ty .....
Represented by: Mr./Mrs. ……. - Legal representative of ……. Company
Chức danh: Tổng Giám đốc
Title: General Director
Địa chỉ: .....
Address: …….
Điện thoại: .....
Phone: …….

B/. ĐẠI DIỆN BÊN TỔ CHỨC NGƯỜI LAO ĐỘNG (gọi tắt là Công đoàn)
B/. REPRESENTATIVE OF THE EMPLOYEES' ORGANIZATION (hereinafter referred to as 'the Trade Union')

Do:: Ông/Bà .....
Represented by: Mr./Mrs. …….
Chức danh: Chủ tịch Công đoàn cơ sở - Công ty .....
Title: President of the Trade Union of ……. Company
Địa chỉ: .....
Address: …….
Điện thoại: .....
Phone: …….

Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật và cùng nhau thoả thuận ký kết Thỏa ước lao động tập thể gồm 03 chương và 18 điều sau đây:
The two parties are committed to strict compliance with the current law and mutual agreement to sign the following Collective Labor Agreement, consisting of 03 chapters and 18 articles:

CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG
CHAPTER I: GENERAL TERMS

VIẾT TẮT:
ABBREVIATIONS

Thỏa ước lao động tập thể: TULĐTT
Collective labor agreement: CLA
Tổng Giám đốc: TGĐ
General Director: GD

MẪU THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ – SONG NGỮ VIỆT-ANH

Người sử dụng lao động: NSDLĐ
Người lao động: NLĐ
Hợp đồng lao động: HĐLĐ
Bộ luật Lao động: BLLĐ
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp: BHXH, BHYT, BHTN
Social insurance, health care, unemployment insurance: SI, HI, UI
Tổ chức đại diện người lao động: Tổ chức ĐDNLĐ
Representative Organization of Employees: ROE
Ban chấp hành Công đoàn cơ sở: BCHCĐ
Grassroots Trade Union Executive Committee: GTUEC

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG
EXPLANATION OF TERMS IN THE LABOR AGREEMENT

Trong Thỏa ước lao động này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
In this Labor Agreement, the terms are construed as follows:

- Người giao kết hợp đồng lao động là:
- *Persons authorized to sign a labor contract include:*

 Tổng Giám đốc Công ty là Người đại diện theo pháp luật quy định tại điều lệ của Công ty.
The Company's General Director, as the legal representative specified in the Company's Charter.

 Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền bằng văn bản về việc giao kết hợp đồng lao động.
Any person authorized in writing by the legal representative to sign a labor contract

- Tổ chức đại diện người lao động của Công ty là:
- *The representative organization of the employees at the Company is:*

 Công đoàn cơ sở Công ty.
The Grassroots Trade Union of the Company

 Ban lãnh đạo của Công đoàn cơ sở Công ty là Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty.
The leadership of the Grassroots Trade Union of the Company which is the union's Executive Committee (GTUEC),

MẪU THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ – SONG NGỮ VIỆT-ANH

- Lương tối thiểu: Là mức lương thấp nhất làm cơ sở để tính mức lương chính. Mức lương này được điều chỉnh theo từng thời điểm công bố mức lương tối thiểu vùng của Chính phủ.
- *Minimum wage is the lowest wage to be used as the basis for salary calculation. The minimum wage is adjusted periodically according to governmental publications of regional minimum wages.*
- Chi phí mang tính chất phúc lợi là khoản chi có tính chất phúc lợi được chi trực tiếp cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể. Tổng số chi có tính chất phúc lợi không được quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của Công ty.
- *Welfare expenses are those serving social welfare purposes that are directly paid to an Employee as specified in this CLA. Total expenses for social welfare purposes must not exceed one month of the actual average salary in the taxable year of the Company.*
- Những từ ngữ khác không được giải thích ở đây được quy định trong Nội quy lao động, quy chế, quy định của Công ty, Bộ luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
- *Other terms that are not explained here are specified in the Company's labor regulations and principles, the national Labor Code and other currently effective legal documents.*

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Article 1: Scope of application.

1. Thoả ước lao động tập thể này quy định mối quan hệ lao động giữa tập thể lao động và NSDLĐ về các điều kiện lao động và sử dụng lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong thời hạn Thỏa ước có hiệu lực.

1. This collective labor agreement defines the labor relation between the Employer and the Employees regarding the working conditions, and rights and obligations of each party during the effective period of the CLA.

2. Mọi trường hợp khác trong mối quan hệ lao động không quy định trong bản Thỏa ước lao động tập thể này, sẽ được giải quyết theo Nội quy lao động, những quy chế, quy định của Công ty, Bộ luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. All other matters in the labor relation not specified in this Agreement shall be resolved according to the Company's labor regulations and principles, the national Labor Code and other currently effective legal documents.

MẪU THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ – SONG NGỮ VIỆT-ANH

3. Thỏa ước này là một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp lao động tại Công ty.

3. This Agreement is one of the most important legal bases for evaluation, investigation and resolution of labor disputes in the Company.

Điều 2: Đối tượng thi hành

Article 2: Subjects of application.

1. Người sử dụng lao động.

1. The Employer.

2. Người lao động, bao gồm cả người lao động vào làm việc sau ngày thỏa ước lao động tập thể có hiệu lực, có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ thỏa ước lao động tập thể đang có hiệu lực.

2. The Employees currently working at the Company and the Employees who begin work after the effective date of the Agreement are all responsible for implementing the contents of this Agreement.

3. Tổ chức đại diện người lao động của Công ty.

3. The Representative Organization of the Employees.

Điều 3: Lấy ý kiến và ký kết Thỏa ước

Article 3: Voting and signing the Agreement.

1. Trước khi ký kết, dự thảo TƯLĐTT đã được các bên đàm phán sẽ được lấy ý kiến của toàn bộ NLĐ trong Công ty. Khi ký kết TƯLĐTT phải có trên 50% NLĐ trong Công ty biểu quyết tán thành.

1. Before signing the Agreement, the draft CLA that has been drawn up and revised upon discussions among relevant parties will be publicized to all employees of the Company. When signing the Agreement, it is required that more than 50% of the employees in the Company vote for approval.

2. Thời gian, địa điểm và cách thức lấy ý kiến biểu quyết đối với dự thảo TƯLĐTT do tổ chức ĐDNLĐ quyết định nhưng không được làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của Công ty.

2. The time, location and form of voting for the draft CLA are determined by the ROE, which must not interfere with normal production and business operations of the Company.

3. NSDLĐ không được gây khó khăn, cản trở hoặc can thiệp vào quá trình tổ chức ĐDNLĐ lấy ý kiến biểu quyết về dự thảo thỏa ước.

3. The Employer is not allowed to challenge, prevent or interfere with the process in which the ROE takes voting from the Employees about the draft CLA.

4. Thỏa ước lao động tập thể được ký kết bởi đại diện hợp pháp của các bên thương lượng.

4. The Agreement is signed by the legal representatives of the stakeholders.

5. Sau khi TƯLĐTT được ký kết, NSDLĐ phải công bố cho NLĐ.

5. After signing the Agreement, the Employer must publicize all related information to the Employees.

Điều 4: Thực hiện Thỏa ước

Article 4: Implementing the Agreement.

1. NSDLĐ, NLĐ, bao gồm cả NLĐ vào làm việc sau ngày TƯLĐTT có hiệu lực, có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ TƯLĐTT đang có hiệu lực.

1. Both the Employer and the Employees, including those starting work after the Agreement takes effect, are obliged to implement all terms and conditions of the effective Agreement.

2. Trường hợp quyền, nghĩa vụ và lợi ích của các bên trong HĐLĐ đã giao kết trước ngày TƯLĐTT có hiệu lực thấp hơn quy định tương ứng của TƯLĐTT thì sẽ thực hiện theo TƯLĐTT. Quy định của NSDLĐ chưa phù hợp với TƯLĐTT thì sẽ được sửa đổi cho phù hợp; trong thời gian chưa sửa đổi thì thực hiện theo nội dung tương ứng của TƯLĐTT.

2. In case the rights, obligations and benefits of the parties involved in the labor contract signed before the CLA takes effect are not as comprehensive as the respective rights, obligations and benefits stated in the CLA, the CLA takes precedence. If the regulations by the Employer are not compatible with the CLA, such regulations must be modified and adapted; while the regulations are under modification, the corresponding terms and conditions in the CLA are officially applied.

3. Khi một bên cho rằng bên kia thực hiện không đầy đủ hoặc vi phạm TƯLĐTT thì có quyền yêu cầu thi hành đúng TƯLĐTT và các bên có trách nhiệm cùng xem xét giải quyết; nếu không giải quyết được, mỗi bên đều có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động tập thể theo quy định của pháp luật.

3. If one party claims that the other violates or does not fully comply with the CLA, that party can demand the other to review and ensure their compliance. Both parties are obliged to cooperate and resolve the conflict; otherwise, either party has the right to demand the conflict to be resolved legally, following the provisions of the current laws.

CHƯƠNG II: NỘI DUNG THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG
CHAPTER II: CONTENTS OF THE LABOR AGREEMENT

Điều 5: Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động
Article 5: Signing and implementing the labor contract.

1. HĐLĐ được ký kết trực tiếp giữa NLĐ với TGĐ Công ty hoặc Người được ủy quyền giao kết HĐLĐ. Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung trong hợp đồng đã được ký kết.

1. A labor contract is signed directly between an Employee and the Company's General Director or the person authorized to enter into a labor contract. Both parties are responsible for the full implementation of the signed contract.

2. Hình thức HĐLĐ: Bằng văn bản.

2. Form of labor contract: Formalized written contract.

3. Khi hết hạn hợp đồng, tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty mà hai bên sẽ thỏa thuận về hình thức và loại hợp đồng để ký tiếp HĐLĐ mới hoặc chấm dứt hợp đồng theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

3. When the contract expires, depending on the Company's needs and actual situation, the two parties shall agree on renewal or termination of the contract in accordance with the Labor Code.

4. Khi cần thiết, hai bên sẽ thỏa thuận về việc điều chỉnh một số nội dung trong HĐLĐ đã ký hoặc chấm dứt hợp đồng.

4. If necessary, the two parties can agree to adjust some contents of the signed labor contract or to terminate the contract.

5. Khi có nhu cầu, Công ty và NLĐ cao tuổi (có đủ sức khỏe) có thể thỏa thuận với nhau giao kết HĐLĐ mới. Trong HĐLĐ này ghi rõ mức lương và các chế độ được hưởng theo thỏa thuận.

5. When requested, elderly Employees (with sufficient health) and the Company can negotiate new labor contracts. In this type of labor contract, agreed salaries and benefits must be clearly stated.

Điều 6: Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm

Article 6: Severance and lay-off allowance.

Công ty đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ luật lao động – Thương binh và Xã hội.

The Company must comply with regulations in Article 8, Decree No. 145/2020/ND-CP and Clause 3, Article 12, Circular No. 10/2020/TT-BLDTBXH dated November 12, 2020 of the Code of Labor, War Invalids and Social Affairs.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng lao động

Article 7: Termination of labor contract.

1. Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên, trừ trường hợp theo quy định Điều 48 của Bộ luật lao động thì có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày.

1. Within 14 working days from the date of termination of the labor contract, both parties are responsible for concluding all payments related to their benefits, except in cases as specified in Article 48 of the Labor Code where it is possible to delay the payment for no longer than 30 days.

2. Khi nghỉ việc hoặc buộc thôi việc:

2. In case of resignation or dismissal:

NLĐ có trách nhiệm bàn giao công việc, không gây trở ngại cho người được cử thay thế hoặc tiếp nhận.

The Employee is responsible for smooth transition and complete handover in support of the newly appointed person.

NLĐ phải bàn giao đầy đủ các phương tiện, dụng cụ, công cụ, thiết bị, tài sản, tài liệu đã được Công ty cấp phát, trang bị trong khi còn làm việc. Nếu làm mất mát, hư hỏng thì phải bồi thường theo quy định.

MẪU THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ – SONG NGỮ VIỆT-ANH

➢ Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **30%** tài liệu.
➢ **ĐẶT MUA** và ***thanh toán*** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
➢ Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.

➢ *Liên hệ* **0934.436.040** *(**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.*